TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 21/7/2020.
Vv: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Thiên Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Đình Sơn

2- Ông Nguyễn Bỉnh Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa – Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970(Có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Ng, xã M, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị với anh Nguyễn Công H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào khoảng tháng 4/1987 tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh L là quê đẻ chị nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết, thời gian sau do mải làm ăn nên cũng quên thủ tục này cho đến nay.

Tình cảm vợ chồng sau ngày cưới hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2003, chị đi lao động ở Đài Loan. Năm 2009 về nước, làm phiên dịch cho 01 người Trung Quốc tại phường Đ, thị xã T, anh H có nghi ngờ chị có quan hệ không lành mạnh. Do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tình cảm, cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc. Tháng 2/2012 vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị với anh H là vợ chồng

vì đôi bên kết hôn với nhau không tuân thủ các điều kiện mà luật Hôn nhân và gia đình quy định.

Về con chung: Chị L với anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/02/1988 và Nguyễn Công Q, sinh ngày 07/8/1995. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị gì.

Về tài sản chung: Không có. Các con chung cũng không có đóng góp gì. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không vay ai, không ai nợ vợ chồng tài sản gì.

Anh Nguyễn Công H trình bày: Anh với chị Nguyễn Thị L tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào khoảng tháng 4/1987 tại quê chị L (Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh L) nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng sau ngày cưới hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2003 chị L đi lao động ở Đài Loan. Năm 2009 chị L về nước. Tháng 2/2012 vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Qua mạng xã hội anh biết chị L có quan hệ không đàng hoàng với người đàn ông khác. Chị L đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh với chị L, anh đồng ý.

Về con chung: Anh H với chị Lý có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/02/1988 và Nguyễn Công Q, sinh ngày 07/8/1995. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên anh H không đề nghị gì.

Về tài sản chung: Không có. Các con chung cũng không có đóng góp gì. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không vay ai, không ai nợ vợ chồng tài sản gì.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung: Căn cứ Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b; c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 hướng dẫn luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 9, 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thi L: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H là vợ chồng.

+ Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Trong vụ án bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiên Du. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào tháng 4/1987. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh, chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 hướng dẫn Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Như vậy, chị L và anh H chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 4/1987, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng. Từ đó đến nay anh, chị không đến UBND xã nơi cư trú của một trong hai bên để đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Chị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng nên căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuyên bố chị L và anh H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/02/1988 và Nguyễn Công Q, sinh ngày 07/8/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, chị L và anh H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, không nợ: Không có nên không xem xét, giải quyết;

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, Điều 220, Điều 220, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b; c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 hướng dẫn luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 9, 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H là vợ chồng.Về con chung,tài sản chung và công nợ không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết

2. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000167 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Thạch Thiên Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.